

Bản án số: 199/2020/HS-ST  
Ngày 04-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thiên Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chấn

Bà Nguyễn Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ M số 165/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/HSST – HPT ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Đình L**, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện K, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: T; Trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H(Đã chết) và con bà Nguyễn Thị L (Đã chết); Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 171 của Công an huyện K lập ngày 08/5/2020 có 01 tiền án ngày 26/9/1974 TAND quận Đ, TP Hà Nội xử 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2020, không bị tạm giữ tạm giam ngày nào. “*Có mặt*”.

**\*Người bị hại:** Cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 27/6/2013 “*Vắng mặt*”. Người đại diện theo pháp luật của cháu M là ông Lê Văn T sinh năm 1976 và bà Đặng Thị L sinh năm 1981, cùng nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện K, Hà Nội. “*Anh T chị L có mặt*”. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu M là bà Phan Thị Thu Trang – Trợ giúp viên pháp M Trung tâm trợ giúp pháp M Nhà nước, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số 2, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội. “*Có*

mặt”.

*\*Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 40 phút ngày 13/3/2020, cháu Lê Thị Ngọc M - sinh ngày 27/6/2013 đi từ nhà ở thôn V, D, K, Hà Nội sang nhà bà ngoại ở cùng thôn chơi. Sau đó cháu M và cháu Đặng Thị Yên N - sinh 2011 cùng thôn rủ nhau đi chơi. Khi đi qua nhà Lê Đình L – sinh năm 1952, trú tại: Xóm Sen, V, D, K, Lê Đình L gọi cháu M vào nhà L chơi, lúc đó chỉ có một mình L ở nhà, còn cháu N thì chơi ở ngoài. Cháu M đi một mình vào nhà Lê Đình L chơi ở tầng 1, cháu M đứng còn Lê Đình L ngồi trên ghế nhựa, L đã dùng tay trái kéo quần cháu M xuống ngang đầu gối đồng thời L dùng hai ngón tay (ngón tay trỏ và ngón tay giữa của bàn tay trái) sờ vào bên ngoài âm hộ của cháu M rồi kéo quần cháu M lên. Sau đó L cho cháu M 01 gói bim bim và mấy tờ tiền có mệnh giá 1000 đồng, 2000 đồng, 5000 đồng và dặn cháu M không nói cho ai biết việc này. Cháu M cầm tiền và bim bim đi về nhà chị Nguyễn Thị P – sinh năm 1988, trú tại: V, D, K (là thím của cháu M) và có kể lại cho chị P nghe về việc cháu M bị Lê Đình L sờ vào bộ phận sinh dục và có cho cháu M tiền và bim bim. Cháu M có đưa cho chị P số tiền mà L cho cháu M là 36.000 đồng trong đó gồm 05 tờ tiền mệnh giá 5000 đồng, 04 tờ mệnh giá 2000 đồng, 03 tờ mệnh giá 1000 đồng. Sau đó chị P đã nói cho gia đình cháu M biết và trình báo cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận giám định pháp y T dục số 239/TTPY ngày 25/3/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hà Nội, kết luận:

*“1. Trên cơ thể cháu Lê Thị Ngọc M không thấy có vết sây sát sưng nề bầm tím, không rách da chảy máu. Vì vậy không có điểm tỷ lệ tổn hại sức khỏe và xác định cơ chế hình thành thương tích.*

*2. Màng trinh không có vết rách, không sưng nề bầm tím, không sây sát.*

*3. Xét nghiệm phát hiện dấu vết tinh dịch-PSA Card tại dịch âm đạo: Âm tính*

*/ 4. Xét nghiệm nhuộm soi mẫu bệnh phẩm lấy từ dịch âm đạo: Không có hình ảnh tinh trùng trên tiêu bản.*

*5. Kết luận giám định ADN số HT47.20/PY-XN ngày 23/3/2020 của Viện pháp y Quân Đội: Mẫu dịch lau rửa móng tay của đối tượng Lê Đình L trên tấm bông có ADN bị tạp Nấm và có nồng độ thấp nên không đủ điều kiện so sánh với ADN của cháu Lê Thị Ngọc M.” (BL: 157 – 158)*

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 301/KL-GĐ ngày 13/8/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, Bộ Y tế đối với Lê Đình L, kết luận: *“Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Đình L không có bệnh tâm thần. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”*

Bản cáo trạng số 167/CT-VKSGL ngày 06/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Lê Đình L về tội “Dâm ô với người dưới 16 tuổi” theo quy định khoản 1 Điều 146 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo L không nhận hành vi như cáo trạng truy tố, khai hôm đó cháu bé không biết tên gì chạy qua nhà, vào mua bim bim xong đi, bị cáo không làm gì cháu M. Do bị cáo không làm gì nên không phải bồi thường. Bị cáo trình bày không họ hàng, không mâu thuẫn, không thù oán, không nợ nần gì đối với anh Nguyễn Như Quang, anh Đặng Thế Đạt là Bí thư, phó bí thư Đoàn thanh niên xã D. Anh Lê Quyết Thắng là con trai, chị Chu Thị Mai Hiên là con dâu của bị cáo, bị cáo không mâu thuẫn, thù oán gì với anh Thắng và chị Hiên. Bị cáo trình bày do già và từng bị tai nạn nên không nhớ tại cơ quan điều tra khai báo gì. Nay không có tài liệu, chứng cứ gì về M do thay đổi lời khai. Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố, giữ nguyên cáo trạng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 146, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 8 đến 10 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về dân sự: Đại diện gia đình cháu Lê Thị Ngọc M yêu cầu bị cáo Lê Đình L phải bồi thường số tiền 16.000.000 đồng trong đó có tiền đi giám định, tiền thuốc bổ, tiền bồi thường tổn thất tinh thần. Về tiền giám định thì do cơ quan tiến hành tố tụng phải chịu, nên không có căn cứ xem xét cho gia đình bị hại, tiền thuốc bổ do không có hóa đơn nên không xem xét cho gia đình người bị hại. Về yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần nên chấp nhận từ 4 đến 5 tháng lương cơ sở, tương đương từ 5.960.000 đồng đến 7.450.000 đồng. Số tiền 36.000 đồng gia đình cháu M không nhận lại nên cho tịch thu sung công. Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ gói bim bim.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì, chỉ trình bày là mình không phạm tội; Người đại diện cho người bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo từ 1-2 năm tù vì đến nay bị cáo L không nhận tội, từ ngày xảy ra sự việc đến nay bị cáo L không sang gia đình xin lỗi hay bồi thường gì. Về dân sự đề nghị bị cáo bồi thường cho gia đình tôi 16.000.000 đồng như đã trình bày. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại đồng ý với tội danh, còn về hình phạt do bị cáo không thành khẩn, chối tội tại phiên tòa nên bị cáo chưa nhận thức hành vi sai trái của mình, đề

ngợi Tòa án xử phạt bị cáo từ 2-3 năm tù. Về dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận mức bồi thường 16.000.000 đồng gồm tiền giám định, tiền thuốc, tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình cháu M, vì tổn thất tinh thần đối với cháu M là rất lớn và lâu dài. Nên áp dụng hình phạt nặng với bị cáo và bồi thường tổn thất tinh thần như vậy còn có tác dụng răn đe chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo L không thừa nhận toàn bộ hành vi ngày 13/3/2020 của mình như cáo trạng truy tố, trình bày không nhớ gì, không thừa nhận lời khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận khi làm việc tại cơ quan điều tra có sự chứng kiến của anh Nguyễn Như Quang – Phó bí thư Đoàn xã D, anh Đặng Thế Đạt – Bí thư đoàn thanh niên xã D, ông Nguyễn Văn Xuyên – Trưởng thôn V, xã D, K, tuy Nên bị cáo khai không mâu thuẫn, không thù oán, không nợ, không họ hàng với anh Quang, anh Đạt, ông Xuyên nên có căn cứ khẳng định 3 người làm chứng là anh Quang, anh Đạt, ông Xuyên chứng kiến bị cáo khai báo tại cơ quan điều tra là khách quan, việc lấy lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Với người làm chứng chứng kiến bị cáo khai tại cơ quan điều tra là anh Lê Quyết Thắng – con trai bị cáo, chị Chu Thị Mai Hiền - con dâu bị cáo, bị cáo khai không mâu thuẫn, thù oán gì với bị cáo, nên việc làm chứng của anh Thắng, chị Hiền là khách quan và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo thay đổi lời khai, không nhận tội nhưng không có căn cứ chứng minh việc khai báo tại cơ quan điều tra là không đúng, không có căn cứ. Nên không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ gồm lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của chị P, đoạn video trích xuất camera thể hiện cháu M đi vào nhà bị cáo L, kết luận giám định T dục, các tài liệu này phù hợp với nhau. Về năng lực hành vi của bị cáo L đã được Viện pháp y tâm thần Trung ương, Bộ Y tế kết luận *Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Đình L không có bệnh tâm thần. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi* nên

đủ căn cứ kết luận bị cáo L đã có hành vi dùng hai ngón tay sờ vào bộ phận sinh dục của cháu M ngày 13/3/2020, hành vi của bị cáo đã phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 146 của BLHS và điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 01/10/2019 hướng dẫn Điều 146 BLHS về hành vi dâm ô như sau “*Dùng bộ phận khác trên cơ thể như tay, chân, miệng, lưỡi.... tiếp xúc như vuốt ve, sờ, bóp, .. với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của người dưới 16 tuổi ...*”. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh M của trẻ em, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Nhân thân bị cáo L đã có 01 tiền án ngày 26/9/1974 TAND quận Đống Đa, TP Hà Nội xử 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Tiền án đã được xóa theo quy định của pháp luật, tuy Nền xác định bị cáo có nhân thân xấu. Tại phiên tòa bị cáo không tự nguyện bồi thường thiệt hại, tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa bị cáo không nhận tội nên không cho bị cáo được hưởng T tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS là phù hợp với quy định tại Công văn số 16/1999/KHXX của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp về hình sự liên quan đến T tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải. Từ những phân tích trên, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian trong khung hình phạt để bị cáo nhận thức cho đúng hành vi của mình, cũng để tuyên truyền giáo dục pháp luật chung.

[3]. Về dân sự: Gia đình người bị hại yêu cầu bồi thường khoảng 16.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng là tiền giám định và 300.000 đồng là tiền thuốc bổ cho cháu M không có hóa đơn giấy tờ, còn lại 13.700.000 đồng là tiền tổn thất tinh thần cho cháu M. Xét tiền đi giám định và tiền thuốc bổ cho cháu M là 2.300.000 đồng là chi phí thực tế phải chi của gia đình cháu M để phục hồi sức khỏe cho cháu M dù không có hóa đơn cũng cần được chấp nhận quy định tại khoản 1 Điều 592 của BLHS. Đối với yêu cầu tổn thất tinh thần theo quy định tại khoản 2 Điều 592 của BLDS quy định nếu các bên không thỏa thuận thì không quá 10 lần mức lương cơ sở, xét thấy tuy cháu M không có tỷ lệ tổn hại sức khỏe nhưng về tinh thần thì ảnh hưởng lớn và lâu dài đối với cháu, nên xét buộc bị cáo bồi thường mức 10 lần mức lương cơ sở tương đương với 14.900.000 đồng là phù hợp. Buộc bị cáo phải bồi thường cho cháu M tổng số tiền là 17.200.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

- + 01 USB là vật chứng của vụ án tiếp tục cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án.
- + 36.000 đồng là tiền bị cáo đưa cho cháu M như đã khai tại cơ quan điều tra, là tiền sử dụng khi phạm tội, cho tịch thu sung công.

+ 01 vỏ bím bím thu giữ của cháu M, cho tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí: Do bị cáo là người cao tuổi, trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự và miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 146, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, các Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 592 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của TANDTC hướng dẫn Điều 146 của BLHS;

Căn cứ Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của TANDTC giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản M và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình L phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Đình L 15 (Mười lăm) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho cháu Lê Thị Ngọc M do ông Lê Văn T và bà Đặng Thị C là người đại diện theo pháp luật cho cháu M tổng số tiền là 17.200.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng:

+ 01 USB tiếp tục cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

+ Tịch thu sung công 36.000 đồng (Biên lai số AA/2010/0001943 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bím bím (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/10/2020 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

5. Về án phí: Miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn 860.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo L.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo L, người đại diện hợp pháp cho cháu M, người bảo vệ quyền lợi cho cháu M có quyền kháng cáo phần liên quan đến

quyền lợi của người bảo vệ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- BẾ C, O;
- TĐa, n nhOn dOn TP Hủ Néi;
- Ckng an huyỐn Gia Lm;
- VKSND huyỐn Gia Lm;
- THADS huyỐn Gia Lm;
- L-u hủ s- vủ, n;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thiên Hương**